

Tên:

ÔN TẬP CUỐI HKI

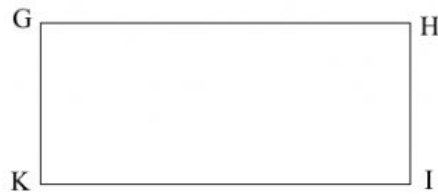
Câu 1. Số gồm “Năm mươi nghìn, hai trăm, ba đơn vị” viết là (0,5 điểm)

- A. 50 203 B. 50 230
C. 5 203 D. 5 230

Câu 2. Giá trị của chữ số 4 trong số “154 930” là (0,5 điểm)

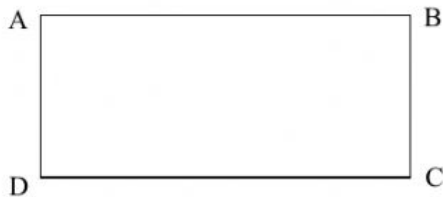
- A. 400 000
B. 40 000
C. 4 000
D. 400

Câu 3. Hình chữ nhật GHIK có bao nhiêu cặp cạnh song song với nhau? (1 điểm)



- A. 1
C. 3
- B. 2
D. 4

Câu 4. Hình chữ nhật ABCD có bao nhiêu góc vuông? (1 điểm)



- A. 1
C. 3
B. 2
D. 4

Câu 5. Số thích hợp điền vào chỗ chấm trong “ $67 \times 34 = \dots \times 67$ ” là (0,5 điểm)

- A. 67
C. 43
- B. 34
D. 76

* Kéo - thả nội dung thích hợp vào ô trống.

Câu 6. Kéo - thả số thích hợp vào ô trống trong “ $23m^2 = \square dm^2$ ”

230

2 300

23 000

20 300

Câu 7. Kéo - thả số thích hợp vào ô trống trong “2 tấn 75 kg = kg”

2 000

2 750

2 075

20 075

Câu 8. Kéo - thả số thích hợp vào chỗ trống trong “1700kg = tạ”

17

107

71

170

* Đánh dấu ☒ vào ☐ trước câu trả lời đúng.

Câu 9. Hoa cao 140 cm, Hùng cao 150 cm, Tuấn cao 145 cm. Trung bình chiều cao của mỗi bạn là bao nhiêu? (1 điểm)

☐ 142 cm

☐ 143 cm

☐ 144 cm

☐ 145 cm

Câu 10. Hình chữ nhật có chiều rộng 7 dm và chiều dài gấp đôi chiều rộng. Diện tích hình chữ nhật là (1 điểm)

☐ 63 dm²

☐ 98 dm²

☐ 63 dm

☐ 98 dm

Câu 11. Hình vuông có cạnh 35m. Diện tích của hình vuông đó là

☐ 1205 dm²

☐ 1225 dm²

☐ 1235 dm

☐ 1252 dm

* Hoàn thành các câu sau theo yêu cầu.

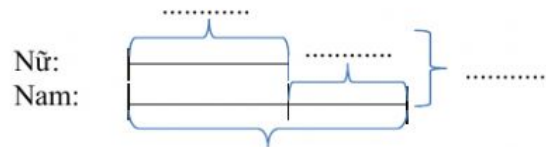
Câu 12. Đặt tính rồi tính (1 điểm)

a. 136 x 25

b. 288 : 24

Câu 13. Một trường Tiểu học có tất cả 550 học sinh, số học sinh nam nhiều hơn số học sinh nữ là 50 học sinh. Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ? Em hãy hoàn chỉnh tóm tắt và giải bài toán.

Tóm tắt:



Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 14. Tính bằng cách thuận tiện nhất

$$46 \times 25 + 46 \times 75$$

.....

.....

.....